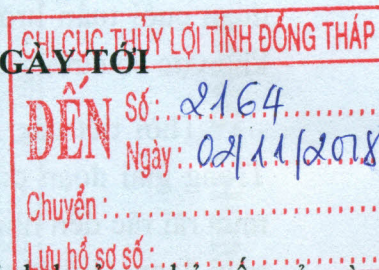


Số: 31/DB-KTTVĐT

Đồng Tháp, ngày 01 tháng 11 năm 2018

THÔNG BÁO KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN 10 NGÀY TỚI
(Tuần 1 tháng XI năm 2018)



I/ TÌNH HÌNH KTTV ĐÃ QUA: (Từ ngày 21 -31/10/2018).

1- Tình hình khí tượng:

Trong giai đoạn đầu tuần khu vực Tỉnh Đồng Tháp chịu ảnh hưởng chủ yếu của rìa phía bắc rãnh áp thấp xích đạo có trục 7-9 độ vĩ bắc kết hợp với rìa xa phía nam lưỡi cao lạnh di chuyển lệch đông, giai đoạn giữa và cuối tuần chịu tác động của rìa phía nam không khí lạnh tăng cường, kết hợp với rìa xa hoàn lưu cơn bão số 7. Trường gió đông bắc hoạt động với cường độ trung bình.

Do vậy, thời tiết các nơi trong Tỉnh: trời nhiều mây, ngày nắng gián đoạn, trong giai đoạn đầu tuần các nơi có mưa rào và dông ở diện nhiều nơi, một vài nơi có mưa vừa, mưa to (Ngày 24-Lai Vung: 123,2mm, Ngày 24-Lấp Vò: 96,8mm), giai đoạn giữa và cuối tuần thời tiết giảm mưa, các nơi có mưa nhỏ ở diện vài nơi. Gió đông bắc cấp 2, cấp 3.

2.- Các yếu tố khí tượng thực đo như sau:

- */ Nhiệt độ trung bình: 28,6⁰c cao hơn tuần trước 0,4⁰c và cao hơn cùng kỳ năm ngoái 0,9⁰c.
- */ Nhiệt độ tối cao : 33,9⁰c (ngày 21/10/2018).
- */ Nhiệt độ tối thấp: 23,9⁰c (ngày 31/10/2018).
- */ Độ ẩm không khí trung bình: 77% thấp hơn tuần trước 6% và thấp hơn cùng kỳ năm ngoái 2%.
- */ Tổng lượng bốc hơi: 27,9 mm nhiều hơn tuần trước 8,8 mm và nhiều hơn cùng kỳ năm ngoái 2,5mm.
- */ Tổng số giờ nắng: 99,2 giờ nhiều hơn tuần trước 34,1 giờ và nhiều hơn cùng kỳ năm ngoái 40,8 giờ.
- */ Tổng lượng mưa: 72,7 mm nhiều hơn tuần trước 2,8 mm và nhiều hơn cùng kỳ năm ngoái 6,4 mm.

3.- Tình hình thủy văn:

Trong tuần mực nước tại khu vực đầu nguồn và nội đồng Tháp mười ít biến đổi và xuống dần, mực nước khu vực phía nam lên theo triều và đạt đỉnh ở giữa tuần; sau đó xuống chậm trong khoảng 3 ngày cuối tuần. Nhìn chung mực nước cao nhất tại các nơi trong Tỉnh xuất hiện ở đầu và giữa tuần, ở mức thấp hơn cùng kỳ năm ngoái khoảng từ 20 đến 60 cm.

Mực nước cao nhất tuần tại các nơi như sau:

Trạm	Ngày xuất hiện	Mực nước (cm)	So với cùng kỳ năm ngoái (cm)
Tân châu	24	264	Thấp hơn 61
Cao Lãnh	26	209	Thấp hơn 17
Trường xuân	21	199	Thấp hơn 15

II/ DỰ BÁO KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN: (Từ ngày 01/11 đến 10/11/2018).

1- Tình hình khí tượng:

Trong giai đoạn đầu tuần khu vực tỉnh Đồng Tháp chịu ảnh hưởng kết hợp của rìa xa hoàn lưu cơn bão số 07 và phía nam không khí lạnh ở phía bắc tăng cường khuếch tán xuống phía nam, giai đoạn giữa tuần không khí lạnh suy yếu chậm và di chuyển lệch đông, giai đoạn cuối tuần lưỡi cao lạnh lục địa sẽ được tăng cường trở lại. Trường gió đông bắc trên khu vực có cường độ trung bình.

Thời tiết các nơi trong tỉnh: Trời mây thay đổi đến nhiều mây, ngày nắng gián đoạn. Trong giai đoạn đầu và giữa tuần các nơi có mưa và dông vài nơi, giai đoạn cuối tuần, có mưa rải rác đến nhiều nơi, có nơi mưa vừa và dông tập trung về chiều tối, ban ngày trời nắng gián đoạn. Gió đông bắc cấp 2, có lúc cấp 3.

- Các yếu tố khí tượng dự báo như sau:

*/ Nhiệt độ trung bình	: 26 - 27 °c.
*/ Nhiệt độ tối cao	: 33 - 34 °c.
*/ Nhiệt độ tối thấp	: 23 - 24 °c.
*/ Độ ẩm không khí trung bình	: 80 - 90 %.
*/ Tổng lượng bốc hơi	: 15 - 25 mm.
*/ Tổng số giờ nắng	: 60 - 70 giờ.
*/ Tổng lượng mưa	: 40 - 70 mm.

2- Tình hình thủy văn:

Mức nước tại khu vực đầu nguồn và nội đồng Tháp Mười tiếp tục xuống trong mấy ngày đầu tuần; sau đó biến đổi chậm, mực nước khu vực phía nam lên theo triều và đạt đỉnh ở cuối tuần. Nhìn chung mực nước cao nhất xuất hiện ở đầu và cuối tuần; ở mức xấp xỉ và thấp hơn cùng kỳ năm ngoái khoảng từ 20 đến 30 cm.

Dự báo mực nước cao nhất tuần tại các nơi như sau:

Trạm	Ngày xuất hiện	Mức nước (cm)	So với cùng kỳ năm ngoái (cm)
Tân châu	09	250	Thấp hơn 27
Cao Lãnh	09	220	Thấp hơn 3
Trường xuân	01	170	Thấp hơn 21



GIÁM ĐỐC

Khương Lê Bình

BẢNG THỐNG KÊ CÁC YẾU TỐ KHÍ TƯỢNG THỰC ĐO TẠI CAO LÃNH
(từ ngày 21 đến 31 tháng 10 năm 2018)

Các yếu tố Ngày	Nhiệt độ không khí (0c)			Độ ẩm không khí (%)	Tổng lượng bốc hơi (mm)	Tổng lượng mưa (mm)	Tổng số giờ nắng (giờ)	Gió mạnh	
	Trung bình	Tối cao	Tối thấp					Hướng gió	Tốc độ (m/s)
21	28.3	33.9	25.5	81	2.2	3.6	9.5	Đông Bắc	4
22	29.1	33.1	25.8	81	2.1	-	9.1	Tây Bắc	4
23	29.0	33.5	26.6	79	2.4	4.4	8.9	Đông Bắc	3
24	26.4	29.2	24.0	88	2.1	64.1	1.1	Nam	4
25	28.2	32.4	24.8	81	1.8	-	10.5	Đông Bắc	3
26	28.9	33.1	26.9	81	2.2	-	9.3	Đông Nam	3
27	29.3	33.1	26.6	78	2.1	-	9.8	Đông Nam	5
28	29.6	33.5	26.1	76	2.8	0.6	10.0	Đông Bắc	4
29	29.6	32.6	26.9	76	3.2	-	10.1	Đông Bắc	4
30	28.5	31.3	26.1	64	3.7	-	10.5	Bắc	3
31	27.5	30.9	23.9	68	3.3	-	10.4	Đông Bắc	4
Tổng số	314.4	356.6	283.2	853	27.9	72.7	99.2		
Trung bình	28.6	32.4	25.7	77	2.5		9.0		